

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/KDTM-PT.

Ngày: 03/01/2023.

“V/v: Tranh chấp về hợp đồng xây dựng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH B

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Giang;

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Như Hiền;

Ông Nguyễn H Giang.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Oanh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B: Bà Lương Thanh Hảo - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30/12/2022 và ngày 03/01/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2022/TLPT- KDTM ngày 15/11/2022 về việc: *“V/v: Tranh chấp hợp đồng xây dựng”*.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2022/KDTM-ST ngày 05/9/2022 của Toà án nhân dân huyện V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 09/2022/QĐ-PT ngày 05/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2022/QĐ-PT ngày 21/12/2022 giữa:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH xây dựng S

Địa chỉ: Tầng 11 Tòa nhà MD, Complex Tower, số 6 đường Nguyễn Cơ Thạch, Khu đô thị M1, phường C, quận N, thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Chung Mun Su- Giám đốc công ty.

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1988 (Có mặt)

Địa chỉ: Thị trấn B, huyện V, tỉnh B

2. Ông Đoàn Trung K, sinh năm 1988 (Có mặt phiên tòa 30/12/2022, vắng mặt tại phiên tòa 03/1/2023)

Địa chỉ: Xã Y, huyện Y1, tỉnh N

- *Bị đơn:* Công ty TNHH S1

Địa chỉ: Lô A, khu công nghiệp Q, xã Q, huyện V, tỉnh B. Đại diện theo pháp luật: Ông Kang Heung Sik- chức vụ: Tổng giám đốc Công ty; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Cao Tr-chức vụ: Phó giám đốc công ty (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty S1:

- Ông Nguyễn Trọng H- Luật sư Công ty Luật TNHH HPVN (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tầng 25, Tòa nH Icon 4, Số 243A Đê La THnh, phường L, quận Đ, tHnh phố H. (vắng mặt)

- Bà Phạm Ngọc H – Luật sư Công ty luật TNHH H.A Law Group – Có mặt.

Địa chỉ: Tầng 17, Tòa nH CONINCO, số 4, Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đ, H. (có mặt)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty cổ phần cơ khí xây lắp thương mại M;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Văn Y- Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đào Việt M- Nhân viên pháp chế của công ty M (Có mặt).

Địa chỉ: Km10, quốc lộ 3 Cầu Đôi, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh, tHnh phố H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty cổ phần cơ khí xây lắp thương mại M: Ông Lâm Văn Q và ông Đỗ Viết H- đều là Luật sư công ty Luật Hợp Danh Dân chính (ông Q có mặt, ông H vắng mặt);

Địa chỉ: Tầng 4, số 148, Vũ Phạm Hm, Phường Y Hòa, Quận Cầu Giấy, tHnh phố H.

2. Công ty cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng- CONICO. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Công- Chủ tịch hội đồng quản trị công ty (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 04, phố Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đ, tHnh phố H.

3. Công ty TNHH Hanmiglobal Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lee Min Woo (vắng mặt).

Địa chỉ: 63 đường N1, Khu phố 3, Phường Cát Lái, THnh phố Thủ Đ, THnh phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

**** Người kháng cáo:***

- NguY đơn là Công ty TNHH xây dựng Sdo ông Nguyễn Ngọc Đ và ông Đoàn Trung K đại diện theo ủy quyền.

- Bị đơn là Công ty TNHH S1 do ông Phạm Cao Tr đại diện theo ủy quyền.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** NguY đơn là Công ty TNHH xây dựng Sdo ông Chung Mun Su- Giám đốc công ty đại diện theo pháp luật; ông Nguyễn Ngọc Đ và ông Đoàn Trung K đại diện theo ủy quyền trình bày:***

Ngày 19/12/2017, Công ty TNHH Xây dựng S (Viết tắt là Sam IL) và Công ty TNHH S1 (Viết tắt là Si Flex) đã ký kết Hợp đồng thi công xây dựng số 19122017-SI/SAMIL, về việc thi công xây dựng nhà xưởng và các công trình phụ trợ tại địa điểm: Lô A, Khu công nghiệp Q, xã Q, huyện V, tỉnh B, Việt Nam. Tổng giá trị hợp đồng ký kết là 445.000.000.000VNĐ (Bốn trăm bốn mươi lăm tỷ đồng); Thuế GTGT 0%; thời hạn hoàn thành công trình là ngày 30/6/2018. Sau khi ký hợp đồng đã tuân thủ đầy đủ các điều khoản của hợp đồng ký kết và đã hoàn thiện, bàn giao xong các hạng mục công việc theo thỏa thuận cho Si Flex với tổng giá trị khối lượng đã thực hiện theo hợp đồng là 445.000.000.000 đồng.

Toàn bộ khối lượng công việc theo thỏa thuận tại hợp đồng thi công xây dựng số 19122017-SI/SAMIL đã được thực hiện đầy đủ và được sự xác nhận của chủ đầu tư và cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Do vậy, Si Flex có trách nhiệm thanh toán trả đầy đủ cho S số tiền đã thi công theo thỏa thuận hợp đồng là 445.000.000.000 đồng.

Tuy nhiên, cho đến ngày Skhởi kiện, Si Flex mới chỉ thanh toán trả cho S được 09 lần với tổng số tiền là **422.750.000.000VNĐ** (Bốn trăm hai mươi hai tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng).

1. Yêu cầu của người đơn đối với bị đơn:

- **Yêu cầu trả số tiền chưa thanh toán theo hợp đồng:**

+ Si Flex còn nợ chưa thanh toán trả cho S theo thỏa thuận hợp đồng còn lại là **22,250,000,000 VNĐ** (Hai mươi hai tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng).

+ Các hạng mục bị thay đổi, phát sinh tăng thêm so với thỏa thuận hợp đồng gồm 26 hạng mục. Cụ thể:

1	Lắp đặt ống thoát nước do thiết kế không thể hiện bề phốt của toilet khu vực 3, khu vực 4.	694.132.703
2	Ống cấp nước	88.645.115
3	Yêu cầu thay đổi hoàn thiện bên trong tầng 2 khu văn phòng, phòng thay đồ	473.540.140
4	Thay đổi thiết kế ống thoát nước mưa trong nhà máy	3.490.000.000
5	Chi phí san lấp và giảm trừ hố pít	6.977.483.375
6	Điểm đấu nối pít	9.640.101
7	Thay đổi vật liệu cửa sổ vách cố định của Hình lang	124.625.088
8	Yêu cầu thêm cửa	638.088.787
9	Đổi tường trục X17~X18	47.844.401
10	Thêm Toilet trong phòng ăn	38.247.324
11	Thay đổi vật liệu hộp cứu hỏa phòng sạch	52.227.927

12	Bổ sung cọc cho bể xử lý nước tH	591.002.483
13	Bổ sung móng bộ máy	1.699.545.708
14	Thay đổi ống thoát nước mưa phía sau bể xử lý nước tH	353.362.555
15	Tăng công suất bơm cứu hoả	435.986.504
16	Bình chữa cháy trong phòng phát điện và bên ngoài phòng điện	156.100.000
17	Tăng bình chữa cháy nH xưởng	229.127.456
18	Bổ sung bình chữa cháy nH phụ trợ thiếu	20.260.000
19	Sơn chống cháy kết cấu thép	12.616.980.067
20	Thay đổi cửa đi và cửa sổ phòng nén khí, phòng điện	32.225.059
21	Bổ sung cửa sổ và cửa đi của phòng bơm bị thiếu trong hợp đồng	78.929.461
22	Hoàn thiện mặt nền nH phụ trợ (epoxy và tăng cứng)	232.782.677
23	Thay đổi thiết kế đường (tăng khối lượng) và bổ sung lưới thép Hn (BOQ không có)	1.825.707.835
24	Thay đổi vật liệu hoàn thiện phòng thang 1, tầng 1 (Gạch deco và đá Granite)	108.710.876
25	Thêm bảng điều khiển quạt hút	118.123.375
26	Phí thủ tục hoàn công phòng cháy chữa cháy	1.200.000.000
Tổng:		32.333.319.018

Quá trình thương lượng, giữa Sv và Si Flex, hai bên cũng đã thống nhất nhau về khối lượng và giá trị của 23/26 hạng mục, tương ứng với giá trị là **11.538.855.576 đồng**. Đối với khối lượng công việc giảm trừ, hai bên cũng đã xác nhận và đồng ý 08/8 mục với số tiền là **7.684.681.022 đồng**; khối lượng công việc tăng thêm các bên cũng đã thống nhất được 15/18 hạng mục với số tiền là 3.850.000.000 đồng. Giá trị này đã được hai bên xác nhận tại các biên bản làm việc và biên bản hoà giải ngày 24/3/2021.

Các hạng mục có khối lượng phát sinh các bên chưa thống nhất được gồm:

1	Chi phí san lấp và giảm trừ hố pít	6.977.483.375
2	Sơn chống cháy kết cấu thép	12.616.980.067
3	Phí thủ tục hoàn công phòng cháy chữa cháy	1.200.000.000
Tổng cộng		20.794.463.442

Căn cứ kết quả giám định của Công ty CP Giám định và Thẩm định giá Phương Đông, giá trị thi công 02 hạng mục này được xác định là 16.427.600.000 đồng. Cụ thể:

1	Chi phí san lấp và giảm trừ hố pít	Đào đắp đất tại công trình	Thiếu khối lượng	3.486.384.099
		Cừ Lasen ngăn sụt lở	Phát sinh mới	1.148.755.960
		Phần bề nước không thực hiện	Giảm trừ	-331.682.182
2	Sơn chống cháy kết cấu thép	Cột	Thiếu khối lượng	3.831.721.123
		Dầm	sai khối lượng	-674.628.919
		Kèo	Phát sinh mới	7.843.571.026
		Sơn lót KCT	Thiếu khối lượng và phát sinh mới	1.123.470.767
Tổng:				16.427.600.442

Sau khi đối trừ khối lượng giữa khối lượng phát sinh dựa trên kết quả giám định và khối lượng được giảm trừ. Syêu cầu Si Flex thanh toán trả giá trị phần phát sinh còn lại là **20.281.774.555 đồng**.

Syêu cầu Si Flex trả số tiền chưa thanh toán là **42.531.774.555 đồng**

Lý do cho yêu cầu: Căn cứ theo quy định tại Điều 7 của hợp đồng thì chủ đầu tư - Công ty TNHH S1 có quyền tạo ra các thay đổi trong phạm vi chung của hợp đồng và không cần biết những sự thay đổi như vậy là sửa đổi, thay thế, bổ sung hoặc xoá bỏ. Mọi thay đổi trong công trình sẽ được xem xét vì mục đích của hợp đồng. Chủ đầu tư pH hoàn trả cho nH thầu cho các chi phí phát sinh liên quan đến sự thay đổi trong công trình.

Khoản 3.4 Điều 3 hợp đồng về giá trị quyết toán đã xác định: “*Giá trị quyết toán được thống nhất dựa trên giá trị thi công cuối cùng, có thể hiện các hạng mục công việc thay đổi nằm ngoài bảng dự toán hợp đồng, được lập và thống nhất giữa hai bên qua bản yêu cầu công việc.*”

Bảng yêu cầu công việc thể hiện giá trị thi công tăng, giảm theo nội dung công việc được yêu cầu nằm ngoài dự toán hợp đồng và được phản ánh khi hai bên thống nhất giá trị quyết toán cuối cùng của hợp đồng”.

Như vậy, trong hợp đồng ký kết giữa hai bên rõ ràng đã có quy định thoả thuận và cách tính đối với khối lượng phát sinh. Mặc dù, Si Flex cho rằng không có bất kỳ thoả thuận nào về việc thực hiện các công việc phát sinh thêm, tuy nhiên, các điều khoản hợp đồng nói trên đã chứng minh về việc giá hợp đồng ký kết chưa pH là giá trị quyết toán cuối cùng. Việc xác định giá trị quyết toán pH được xác định theo giá trị khối lượng thi công cuối cùng. Không có mục đích sử dụng đối với khối lượng phát sinh. Mọi vấn đề thi công các hạng mục đều dưới sự giám sát của Chủ đầu tư và tư vấn giám sát. Trên thực tế, các công việc phát sinh đã được

thực hiện, các hạng mục phát sinh đã tồn tại, được Si Flex, đơn vị tư vấn giám sát xác nhận tại Bản vẽ hoàn công và tiếp nhận đưa vào sử dụng.

- Yêu cầu trả số tiền phạt do chậm thanh toán:

Căn cứ theo quy định tại Điều 6 của hợp đồng đã ký kết thì “*Trong trường hợp Bên A thanh toán chậm cho Bên B so với thời hạn quy định tại Điều 2 của hợp đồng này, bên A sẽ pH thanh toán thêm cho Bên B 0.1%/ngày chậm thanh toán đối với công việc đã hoàn tHnh theo hồ sơ trình thanh toán và hoá đơn GTGT. Thời gian chậm thanh toán không quá 01 tháng*”.

Như phân tích tại các mục nói trên, Si Flex có lỗi đối với việc thanh toán số tiền còn lại của hợp đồng cho Sam IL. Do vậy Si Flex pH chịu tiền phạt theo quy định của hợp đồng tương ứng với số ngày chậm trễ đối với khoản tiền pH thanh toán nhưng không quá 30 ngày cho từng lần thanh toán.

Tại phiên tòa nguY đơn xác định số tiền phạt chậm trả tính đến ngày 05/9/2022 là 27.392.090.796 đồng.

- Yêu cầu trả tiền lãi chậm thanh toán:

Hợp đồng ký kết giữa Svà Si Flex cũng quy định (khoản 3.3 Điều 3): Bên A sẽ thanh toán cho khối lượng công việc đã hoàn tHnh đã phê duyệt trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ thanh toán.

Việc chậm thanh toán cho nH thầu là Hnh vi bị nghiêm cấm theo quy định tại khoản 11 Điều 19 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP của Chính Phủ.

Thực tế đã cho thấy, Si Flex đã rất nhiều lần vi phạm nghĩa vụ thanh toán giai đoạn của dự án. Thậm chí, cho đến nay, mặc dù công trình đã được hoàn tHnh, được đưa vào sử dụng hơn 02 năm nhưng Si Flex vẫn cố tình trì hoãn việc quyết toán và thanh toán cho Sđối với khối lượng còn lại thoả thuận hợp đồng đã ký kết và khối lượng công việc đã phát sinh. Si Flex có lỗi đối với việc thanh toán số tiền còn lại của hợp đồng cho Sam IL. Do vậy Si Flex pH chịu tiền lãi theo quy định tương ứng với số ngày chậm trễ.

Căn cứ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP của Chính Phủ thì Sđược quyền yêu cầu Si Flex pH thanh toán trả cho Stiền lãi do chậm thanh toán.

Mặc dù, hợp đồng không có quy định rõ về tiền lãi do chậm thanh toán. Tuy nhiên, do Hợp đồng xây dựng là hợp đồng dân sự. Nên, căn cứ theo quy định của Bộ luật dân sự tại Điều 468, lãi suất được áp dụng là 10%/năm.

Theo tính toán của Sam IL, tổng số tiền lãi (tạm tính đến ngày 05/7/2022), Si Flex pH thanh toán cho Slà 9.594.303.854 đồng.

Tại phiên tòa nguY đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền lãi chậm trả tính đến ngày 05/9/2022 là 10.316.761.395 đồng.

Tổng số tiền mà nguY đơn yêu cầu bị đơn trả là 79.126.214.289 đồng.

2. Quan điểm của nguY đơn đối với yêu cầu phản tố của bị đơn:

- *Đối với yêu cầu phạt do chậm tiến độ hợp đồng:* Sđã hoàn tHnh và bàn giao đúng, đầy đủ khối lượng công việc theo như các thoả thuận đã ký kết. Si Flex đã tiếp nhận bàn giao và đưa nH máy vào hoạt động. Công trình đã được hoàn công và được các cơ quan nH nước có thẩm quyền chứng nhận hoàn tHnh. Si Flex yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng với số tiền 22.250.000.000 đồng là hoàn toàn thiếu căn cứ và không đúng quy định hợp đồng. Vì Si Flex có lỗi trong việc hoàn tHnh tiến độ thực hiện hợp đồng.

Mặc dù Hợp đồng thi công xây dựng số 19122017-SI/SAMIL ký ngày 19/12/2017 giữa Svà Si Flex xác định thời gian thi công hoàn tHnh là 30/6/2018. Sxác nhận, công trình không hoàn tHnh theo đúng thời hạn nói trên. Tuy nhiên, việc chậm hoàn tHnh không pH lỗi của Smà phần lớn nguY nhân do lỗi của Si Flex. Điều này thể hiện rất rõ ràng qua việc: Si Flex có lỗi chậm xin giấy phép xây dựng 03 ngày. Quá trình thực hiện hợp đồng, chủ đầu tư cũng liên tục có nhiều yêu cầu thay đổi, phát sinh khối lượng công việc nằm ngoài dự toán của công trình và thoả thuận hợp đồng đã ký kết. Điều này thể hiện rất rõ qua giá trị khối lượng công việc phát sinh mà Sđã trình bày rất rõ trong hồ sơ khởi kiện.

Cơ sở pháp lý: Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng cũng đã quy định: *Tiến độ thực hiện hợp đồng được điều chỉnh trong các trường hợp sau: “b)Thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công theo yêu cầu của Bên giao thầu, các thủ tục liên quan ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng mà không di lỗi bên giao thầu gây ra”.*

Quá trình thi công dự án, Si Flex không sắp xếp, thống nhất kế hoạch thi công giữa các nH thầu với nhau, đã gây ảnh hưởng lớn đến tiến độ thực hiện các công việc. Điển hình như việc thi công công tác lắp dựng trần nH máy Skhông thể thực hiện được theo kế hoạch dự định là ngày 07/8/2018, đã pH trì hoãn đến 31/8/2018 do pH chờ hạng mục thi công của nH thầu phụ khác của Si Flex. Công tác đường bê tông và asphalt theo kế hoạch thực hiện là ngày 14/9/2018, tuy nhiên đã pH lùi thời hạn thi công đến 25/11/2018 do không giải phóng được thiết bị của các nhà thầu trực tiếp của chủ đầu tư để trên đường, sau đó là mưa lớn liên tục, chủ đầu tư vận chuyển thiết bị làm hỏng nền đường đá base khiến Sphải làm lại nền đường nhiều lần trước khi đổ bê tông nhựa...Đến ngày 27/10/2018, Sđã hoàn tHnh toàn bộ công trình thể hiện qua việc xuất hóa đơn.

Skhông đồng ý phạt chậm tiến độ vì việc chậm tiến độ hoàn tHnh công trình không pH lỗi của Smà phần lớn nguY nhân do lỗi của Si Flex. Việc pH kéo dài thời hạn thuê đơn vị tư vấn giám sát đối với khối lượng công việc còn lại là trách nhiệm của chủ đầu tư.

- Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại, khắc phục, sửa chữa các khiếm khuyết đối với công trình xây dựng và khắc phục lỗi công trình:

Chưa có cơ sở xác nhận, xác định thực tế có hay không việc Si Flex thuê bên thứ ba thực hiện việc sửa chữa một phần các hạng mục công trình mà Sđã bàn giao. Vì vậy, Sđề nghị Si Flex cung cấp đầy đủ bằng chứng chứng minh:

+ Hạng mục nào Si Flex nhận định nằm trong hạng mục sửa chữa, mức độ và khối lượng các hạng mục cần sửa chữa;

+ Hạng mục nào Si Flex nhận định Sửa hoàn tHnh việc xây dựng.

+ Cung cấp hồ sơ thể hiện việc Si Flex đã thuê bên thứ ba sửa chữa, thi công bao gồm các tài liệu để chứng minh khối lượng giá trị đã sửa chữa, thi công.

+ Tài liệu chứng minh đã thông báo hợp lệ cho Syêu cầu khắc phục các hạng mục Si Flex đã sửa chữa.

Stừ chối thanh toán và từ chối bảo Hnh đối với các hạng mục công trình đã bị sửa chữa bởi bên thứ ba do Skhông được thông báo hợp lệ.

Từ các căn cứ nêu trên, đã chứng minh, các yêu cầu phản tố của Công ty TNHH S1 là hoàn toàn thiếu căn cứ, không đúng với thực tế và các thoả thuận đã ký kết trong hợp đồng và quá trình đấu thầu.

Skhông chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty TNHH S1 về việc yêu cầu Công ty TNHH Strả các khoản tiền gồm: Phạt vi phạm hợp đồng với số tiền 22.250.000.000 đồng tương đương 5% giá trị hợp đồng; Chi phí bên Si Flex pH mua nguY vật liệu để thực hiện, khắc phục, sửa chữa các khiếm khuyết đối với công trình xây dựng: 335.357.000 đồng; Chi phí khắc phục lỗi công trình là 1.149.000.000 đồng; Chi phí sửa chữa toàn bộ hỏ pít 3426.300.000 đồng; Riêng đối với yêu cầu của bị đơn về việc bồi thường số tiền 372.935.000 đồng cho việc kéo dài thời hạn giám sát thi công xây dựng. Schấp nhận trả $\frac{1}{2}$ số tiền này.

3. Ý kiến của nguY đơn đối với yêu cầu độc lập của Công ty M: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập mà M đưa ra về việc trả số tiền 7.281.430.000 đồng (Bảy tỷ, hai trăm tám mươi một triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng) phát sinh từ Hợp thầu phụ số 170118-SI FLEX/MC ngày 17/01/2018 và Phụ lục hợp đồng số 01 kèm theo hợp đồng thầu phụ và 2.000.000.000 đồng tiền phạt chậm thanh toán. Tổng cộng Sđồng ý trả M số tiền 9.281.430.000 đồng, đồng ý mỗi bên chịu $\frac{1}{2}$ án phí.

*** Bị đơn là Công ty TNHH S1 do ông đại diện theo pháp luật và ông Phạm Cao Tr đại diện theo ủy quyền trình bày:**

1. Quan điểm của bị đơn đối với yêu cầu của nguY đơn:

- Đối với yêu cầu buộc bị đơn pH trả số tiền 22.250.000.000 đồng.

Theo Điều 3.3 của Hợp đồng thi công xây dựng số 19122017-SI/SAMIL ngày 19 tháng 12 năm 2017 (sau đây gọi là “**Hợp đồng**”), 5% còn lại của Hợp đồng sẽ được thanh toán cho Strong vòng mười (10) ngày sau khi được Bên A kiểm tra,

chấp thuận bàn giao đưa nH máy vào sử dụng và sau khi Si Flex nhận được bảo lãnh bảo Hnh từ Sam IL. Bảo lãnh bảo Hnh có giá trị 5% của Hợp đồng và có giá trị trong vòng 02 năm kể từ ngày nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào sử dụng. Tuy nhiên Sđã không thực hiện xây dựng theo đúng tiến độ đề ra trong Hợp đồng và cũng không thực hiện sửa chữa các khiếm khuyết, hư hỏng đối với nH máy cũng như không phát Hnh bảo lãnh bảo Hnh theo đúng quy định trên.

Si Flex chấp nhận trả Ssố tiền 22.250.000.000 đồng nhưng yêu cầu khấu trừ vào số tiền phạt chậm tiến độ bàn giao công trình, chi phí khắc phục sửa chữa những khiếm khuyết của công trình, chi phí bồi thường thiệt do chậm tiến độ. Như vậy, khi khấu trừ khoản phạt vi phạm mà SpH thanh toán vào tổng giá trị hợp đồng thì nên được hiểu là Si Flex đã thanh toán đầy đủ tổng giá trị hợp đồng cho Sam IL.

- *Đối với yêu cầu buộc bị đơn chịu chi phí phát sinh:* Si Flex không đồng ý với ý kiến của Svề chi phí phát sinh này. Bởi Sđã cam kết rằng phạm vi tham gia đấu thầu của Slà toàn bộ chi phí phát sinh trong suốt quá trình thực hiện dự án. Mặt khác, chi phí phát sinh của SpH thể hiện các hạng mục công việc thay đổi nằm ngoài bảng dự toán hợp đồng và pH thống nhất ý kiến với Si Flex. Tuy nhiên, Smới chỉ cung cấp cho Si Flex các tài liệu, chứng từ chứng minh hợp lệ đối với một số hạng mục công việc thay đổi nằm ngoài bảng dự toán hợp đồng mà có giá trị tương đương 3.854.174.554 (*Ba tỷ, tám trăm năm mươi tư triệu, một trăm bảy mươi tư nghìn, năm trăm năm mươi tư*) đồng. Đối với các hạng mục phát sinh còn lại, Skhông cung cấp cho Si Flex các tài liệu, chứng từ chứng minh hợp lệ, đầy đủ. Vì vậy, Si Flex không đồng ý và không có nghĩa vụ thanh toán các hạng mục này cho Sam IL.

Tại phiên tòa, Siflex cho rằng: trong suốt quá trình thực hiện dự án, bên phía Skhông có bất cứ thông tin trao đổi, ý kiến gì về việc thêm hay bớt về các khối lượng, hạng mục công trình. Theo quy định của pháp luật cũng như tại bản mời thầu và Hợp đồng được hai bên ký kết đều quy định rất rõ về trình tự, thủ tục của việc thông báo cho nhau và pH được sự đồng ý, chấp thuận của cả hai bên. Vì vậy, Si Flex không đồng ý và không có nghĩa vụ thanh toán các hạng mục này cho Sam IL. Si Flex không chấp nhận trả Stoàn bộ số tiền phát sinh vì các hạng mục phát sinh thêm không được thực hiện theo đúng trình tự, nguY tắc điều chỉnh khối lượng công việc và giá hợp đồng. Phần các chi phí phát sinh đã được hai bên thống nhất tại buổi hòa giải trước đó có giá trị tương đương 3.854.174.554 (*Ba tỷ, tám trăm năm mươi tư triệu, một trăm bảy mươi tư nghìn, năm trăm năm mươi tư* đồng). Si Flex đồng ý thanh toán với điều kiện hai bên hòa giải được và Sđồng ý sửa chữa các hạng mục hư hỏng chưa được sửa chữa bảo Hnh. Khi bên phía nguY đơn không có thiện chí hòa giải, bên phía bị đơn cũng không đồng ý cho khoản phát sinh tăng thêm này, bởi đây là hợp đồng trọn gói.

- Đối với yêu cầu của nguY đơn về việc buộc bị đơn trả tiền phạt chậm trả và tiền lãi:

Cách tính khoản phạt của Skhông đúng với quy định của Hợp đồng. Theo quy định tại Điều 3.3 của Hợp đồng: “Vào ngày 30 Hng tháng, Bên B gửi giấy tờ liên quan đến khối lượng công việc đã hoàn tHnh, có chữ ký của giám sát của Bên A. Bên A sẽ thanh toán cho khối lượng công việc được hoàn tHnh đã được phê duyệt trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ thanh toán.” Tuy nhiên Sđã tính số ngày chậm thanh toán ngay từ thời điểm gửi hồ sơ thanh toán.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Si Flex cũng đã từng thanh toán một khoản lãi và phạt vi phạm cho S(116.978.879 đồng tiền phạt chậm trả và tiền lãi chậm trả của việc thanh toán lần thứ 3 theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0000068 bị chậm 07 ngày), nhưng điều này cũng không thấy được đề cập khấu trừ trong bảng tính của Sam IL.

Do Skhông phát Hnh chứng thư bảo Hnh nên Si Flex không thanh toán trả số tiền 5% hợp đồng. Do đó Si Flex không chấp nhận trả lãi và chịu phạt đối với số tiền này theo yêu cầu của Sam IL.

Si Flex không đồng ý trả Ssố tiền phát sinh nên cũng không đồng ý trả tiền lãi và tiền phạt đối với số tiền này theo yêu cầu của Sam IL.

2. Yêu cầu của bị đơn đối với nguY đơn:

Do Hnh vi vi phạm nghĩa vụ trong Hợp đồng của Sam IL, Si Flex đã pH gánh chịu những thiệt hại, tổn thất, cụ thể là:

- Thiệt hại do việc thi công chậm tiến độ và chậm bàn giao công trình xây dựng, do đó SpH chịu phạt số tiền là 0,1%/ngày và tổng mức phạt không quá 5% của giá trị hợp đồng.

Theo Điều 2.1 của Hợp đồng, thời gian hoàn tHnh nH máy Si Flex vào ngày 30 tháng 6 năm 2018. Tuy nhiên, Sđã không thực hiện xây dựng theo đúng tiến độ. Cụ thể, đến ngày 6 tháng 3 năm 2019, các công trình xây dựng theo Hợp đồng mới được Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh B xác nhận hoàn thành để đưa vào sử dụng. Như vậy, tổng thời gian chậm hoàn tHnh nH máy Si Flex do lỗi của Slà **248 ngày**, kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 cho đến ngày 6 tháng 3 năm 2019.

Về giá trị phần công việc chưa hoàn thành, tính đến ngày 30/6/2018, Sam II cho rằng đã hoàn tHnh được 89% khối lượng công việc theo hóa đơn cuối cùng mà SpHát Hnh, tương ứng với 89% của giá trị Hợp đồng. Tuy nhiên, tại Điều 3.3 của Hợp đồng hai bên đã ký kết, thì Si Flex đã tạm ứng trước 15% giá trị Hợp đồng cho Sam IL. Vì vậy, thực chất là phần giá trị công việc Schưa hoàn tHnh là 26% giá trị Hợp đồng.

Như vậy, tổng số tiền phạt do chậm thanh toán dựa trên số ngày chậm hoàn thành và giá trị công việc chậm hoàn thành là 28.693.600.000 VNĐ (*Hai mươi tám tỷ, sáu trăm chín mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng*).

Do mức phạt tối đa được áp dụng trong trường hợp này là 5% của tổng giá trị Hợp Đồng, tương đương 22.250.000.000 (*Hai mươi hai tỷ, hai trăm năm mươi triệu*) đồng. Do vậy, Số nghĩa vụ trả tiền phạt vi phạm cho Si Flex với số tiền là **22.250.000.000 VNĐ**.

- Chi phí phát sinh thêm do việc thuê giám sát thi công xây dựng: Do Svi phạm tiến độ, Si Flex đã PH ký thêm Hợp đồng tư vấn quản lý thi công với một đơn vị khác là công ty kiểm định xây dựng CONINCO. Tổng giá trị của hợp đồng và các phụ lục là 372.935.000 VNĐ.

- Về các khiếm khuyết, hư hỏng nghiêm trọng trong công trình mà Sthi công: Các công trình mà Sthi công đã phát sinh một số các khiếm khuyết, hư hỏng nghiêm trọng ví dụ như công trình bị rò rỉ nước v.v.

Theo Điều 5.2 của Hợp Đồng thì Số nghĩa vụ chịu trách nhiệm về các khiếm khuyết, hư hỏng mà Svi chưa thực hiện sửa chữa, khắc phục các khiếm khuyết, hư hỏng của công trình, vậy Số nghĩa vụ bồi thường cho Si Flex các chi phí bảo hành các khiếm khuyết, hư hỏng của công trình.

Công ty TNHH S1 đã PH tự bỏ các chi phí mua nguyên vật liệu để khắc phục, sửa chữa các khiếm khuyết và liên tục cắt cử người, thuê người trông coi, xử lý và khắc phục các khiếm khuyết công trình mà bên phía S1 lại không thực hiện nghĩa vụ bảo hành.

Chi phí bên Si Flex PH mua nguyên vật liệu để thực hiện, khắc phục, sửa chữa các khiếm khuyết đối với công trình xây dựng: 335.357.000 VNĐ.

Chi phí khắc phục lỗi công trình tính đến ngày xét xử là 1.149.000.000 đồng. Do Si Flex luôn PH cử ra 5 người có nhiệm vụ trông coi, xử lý, khắc phục các lỗi sai hỏng, rò rỉ tại công trình với mức chi trả 12.000.000VNĐ/người/tháng, liên tục từ tháng 11/2019 đến nay.

Giá trị khắc phục lại hố pít theo báo giá của đơn vị thứ 3 là 3.426.300.000 đồng.

Tổng cộng bị đơn yêu cầu nguyên đơn PH trả số tiền 27.534.342.000 đồng.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là Công ty cổ phần cơ khí xây lắp thương mại M trình bày:**

Ngày 17/01/2018, Sky Hợp đồng thầu phụ số 170118-SI FLEX/MC với Công ty cổ phần cơ khí xây lắp thương mại M (viết tắt là M) về việc Thi công lắp đặt kết cấu thép NH máy S1. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng S1 đã giao thêm khối lượng thi công xây dựng phát sinh nên hai bên ký Phụ lục hợp đồng số 01 kèm theo Hợp đồng thầu phụ số 170118-SI FLEX/MC.

Tổng giá trị hợp đồng thầu phụ là 69.507.000.000 đồng (*Sáu mươi chín tỷ, năm trăm linh năm triệu đồng*) cộng 10% Thuế giá trị gia tăng = 76.450.000.000 đồng (*Bảy mươi sáu tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng*), nhưng giá trị xây dựng thực tế thi công được S và M nghiệm thu giá trị khối lượng quyết toán hoàn thành là: 77.548.900.000 đồng (*Bảy mươi bảy tỷ, năm trăm bốn mươi tám triệu, chín trăm nghìn đồng*), thể hiện tại Bảng nghiệm thu giá trị khối lượng quyết toán hoàn thành có chữ ký đại diện của hai bên.

Số 08 lần thanh toán cho M được tổng số tiền 70.887.900.000 đồng (*Bảy mươi tỷ tám trăm tám mươi bảy triệu chín trăm nghìn đồng*). Còn nợ số tiền là **6.661.000.000 đồng** (*Sáu tỷ, sáu trăm sáu mươi một triệu đồng*).

Đối với Phụ lục hợp đồng số 01 về việc thi công khối lượng phát sinh thì M đã thực hiện giá trị xây dựng là 6.824.730.000 đồng (*Sáu tỷ, tám trăm hai mươi bốn triệu, bảy trăm ba mươi nghìn đồng*) đã được hai bên ký Biên bản nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng và Biên bản quyết toán thanh lý hợp đồng vào ngày 25/12/2018. Công ty M rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với giá trị xây dựng phát sinh 6.204.300.000 đồng, giữ nguyên cầu SpH thanh toán cho M 620.430.000 đồng là tiền thuế giá trị gia tăng (10% VAT).

Như vậy, tổng số tiền Số nợ M là **7.281.430. 000đ** (*Bảy tỷ, hai trăm tám mươi một triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng*).

Đối với phạt chậm thanh toán: Theo thỏa thuận của công ty M và công ty Tại Điểm 7.2, Điều 7 của Hợp thầu phụ số 170118-SI FLEX/MC ngày 17/01/2018 quy định công ty S chậm thanh toán sẽ pH bồi thường cho Công ty M 0.1% giá trị hợp đồng cho một ngày chậm trễ nhưng không quá 5% giá trị hợp đồng. Tương đương số tiền **4.218.681.000 đ** (*Bốn tỷ, hai trăm mười tám triệu, sáu trăm tám mươi mười một nghìn*). Tuy nhiên, Công ty M và Công ty S đã thống nhất SpH chịu số tiền phạt là 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng chẵn), M đồng ý trả ½ án phí.

Đề nghị Công nhận việc thỏa thuận của S và M về số tiền 9.281.430.000 đồng (*chín tỷ hai trăm tám mươi một triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng*)

Rút yêu cầu buộc SpH thanh toán số tiền trả M số tiền 6.204.300.000 đồng.

Không yêu cầu xem xét về việc trường hợp TNHH xây dựng S không có khả năng trả nợ thì yêu cầu công ty S1 pH trả nợ thay cho Sam IL.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là** Công ty cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng- CONICO và Công ty TNHH Hanmiglobal Việt Nam trình bày: Không có tranh chấp gì với các bên trong vụ án và xin vắng mặt tại phiên tòa.

*** Do có nội dung trên, bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2022/KDTM-ST ngày 05/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện V đã quyết định:**

Áp dụng: Các Điều 30, 35, 39, 92, 143, 144, 147; khoản 1, điểm b, khoản 2, Điều 227; Điều 244; các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 141, 143, 144, 146 Luật xây dựng năm 2014; các Điều 7, Điều 36, Điều 37, Điều 38 Nghị định 37/2016/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng; các Điều 2, 3, 4, 5 thông tư 07/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ xây dựng hướng dẫn điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguY đơn đối với bị đơn. Buộc Công ty Si Flex pH thanh toán trả công ty Ssố tiền 47.351.212.953 đồng (bốn mươi bảy tỷ ba trăm lẻ một triệu hai trăm mười hai nghìn chín trăm lẻ ba đồng)

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn đối với nguY đơn. Buộc công ty Scó trách nhiệm thanh toán trả công ty Si Flex số tiền 10.841.737.000 đồng (mười tỷ tám trăm bốn mươi triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn đồng)

Khấu trừ 02 khoản tiền mà các bên pH trả cho nhau. Cần buộc Công ty TNHH S1 pH thanh toán trả công ty TNHH xây dựng Ssố tiền 36.509.475.953 đồng (ba mươi sáu tỷ năm trăm linh chín triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn chín trăm lẻ ba đồng).

3. Công nhận sự thỏa thuận của công ty TNHH xây dựng Svà công ty cổ phần cơ khí xây lắp thương mại M: Công ty Scó trách nhiệm thanh toán trả cho công ty M số tiền 9.281.430.000 đồng (chín tỷ hai trăm tám mươi một triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng).

4. Đình chỉ yêu cầu của Công ty cổ phần cơ khí xây lắp thương mại M về việc yêu cầu Công ty TNHH xây dựng SpH thanh toán số tiền 6.204.300.000 đ phát sinh từ Phụ lục hợp đồng số 01.

Đình chỉ một phần yêu cầu của Svề việc buộc Si Flex trả số tiền chi phí hoàn công phòng cháy chữa cháy là 1.200.000.000đồng.

5. Chi phí thẩm định giá: Công ty TNHH xây dựng SpH chịu 55.000.000 đồng chi phí thẩm định giá. Xác nhận Sđã nộp đủ số tiền này.

6. Án phí:

- Công ty TNHH xây dựng SpH chịu 179.940.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 85.500.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2012/0001499 ngày 04/01/2021 của Chi cục Thi Hnh án dân sự huyện V, tỉnh B. Số tiền án phí mà Scòn pH nộp là 94.440.095 đồng.

- Công ty TNHH S1 pH chịu 172.043.817 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 65.250.000

đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006019 ngày 14/10/2021 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện V, tỉnh B. Số tiền án phí mà Sĩ Flex còn phải nộp là 106.793.817 đồng.

- Công ty cổ phần cơ khí xây lắp thương mại M phải chịu 29.320.357 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 63.000.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/000301 ngày 01/3/2021 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện V, tỉnh B. Trả lại M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 33.679.643 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, quyền kháng cáo cho các bên đương sự và hướng dẫn thi hành án.

**** Ngày 16/9/2022, đại diện nguyên đơn là Công ty TNHH xây dựng Số đơn kháng cáo đối với một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng:***

Buộc công ty TNHH S1 phải thanh toán cho Công ty TNHH xây dựng Toàn bộ số tiền thi công của khối lượng công việc phát sinh của hai hạng mục là chi phí san lấp và giảm trừ hố pít, sơn chống cháy kết cấu thép với tổng giá trị là 16.427.600.000 đồng; phải chịu tiền phạt và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán số tiền này.

Do lỗi của Công ty TNHH S1 trong việc triển khai và hoàn thành dự án nên Công ty TNHH Xây dựng Không phải chịu tiền phạt vi phạm hợp đồng do lỗi chậm tiến độ.

**** Ngày 16/9/2022, đại diện bị đơn là Công ty TNHH S1 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án theo hướng:***

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu bồi thường thiệt hại, chi phí sửa chữa liên quan đến rò rỉ hố pít, nứt trần khu văn phòng, đột mái panel nhôm xùan.

- Công ty TNHH S1 không phải chịu tiền phạt và lãi chậm trả đối với số tiền 22.250.000.000 đồng vì Công ty TNHH Xây dựng Không thực hiện phát hành thư bảo lãnh và thực hiện nghĩa vụ bảo hành.

- Công ty TNHH S1 không phải thanh toán cho Công ty TNHH Xây dựng Số tiền 3.854.000.000 đồng chi phí phát sinh và không phải chịu tiền phạt và lãi chậm trả đối với số tiền trên.

- Buộc Công ty TNHH Xây dựng Phải chịu phạt 22.250.000.000 đồng do chậm tiến độ bàn giao công trình.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên kháng cáo. Đại diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên yêu cầu phản tố, giữ nguyên kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện theo ủy quyền của nguY đơn trình bày: Công ty Svvẫn giữ nguY các luận cứ đã trình bày ở cấp sơ thẩm. Sxác định hợp đồng xây dựng hai bên đã ký ngày 19/12/2017 là hợp đồng trọn gói. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng, bên chủ đầu tư là Công ty Si Flex liên tục thay đổi yêu cầu công việc, trong đó có những hạng mục nằm ngoài bản thiết kế mời thầu. Để đảm bảo tiến độ thi công, Sđã bỏ qua một số thủ tục về mặt giấy tờ. Tuy nhiên, Si Flex đã xác nhận khối lượng công việc phát sinh thông qua biên bản nghiệm thu có chữ ký của hai bên và xác nhận của bên giám sát thi công. Đến ngày 27/10/2018 – ngày nghiệm thu lần thứ 9, Sđã hoàn tHnh 100% khối lượng công việc theo hợp đồng; ngày nghiệm thu chính là ngày yêu cầu thanh toán và xuất hóa đơn. Công ty Sđề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của Sam IL, không chấp nhận các nội dung kháng cáo của Công ty Si Flex.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn thống nhất trình bày: Si Flex xác định ngày Shoàn tHnh hợp đồng là ngày 6/3/2019 – ngày Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh B cấp giấy phép cho nH máy Si Flex đi vào hoạt động. Tại Biên bản nghiệm thu lần 9 – ngày 27/10/2018, hai bên đều xác định khối lượng công việc còn lại là 5%. Si Flex không đồng ý với cách tính phạt chậm tiến độ của bản án sơ thẩm vì hợp đồng xây dựng hai bên ký kết là hợp đồng trọn gói, kể từ ngày 4/7/2018 thì Sbị xác định chậm tiến độ theo hợp đồng với khối lượng công việc là 139.398.560.458 đồng, nhân với thời gian chậm kể từ ngày 4/7/2018 đến 6/3/2019 (245 ngày) thì Schậm tiến độ là: $139.398.560.458 \text{ đồng} \times 0,1\% \times 245 \text{ ngày} = 34.152.647.312 \text{ đồng}$. Tuy nhiên, mức phạt cao nhất được áp dụng là 5% giá trị hợp đồng, tương đương 22.250.000.000 đồng. Do đó, Công ty SpH chịu phạt số tiền là 22.250.000.000 đồng. Si Flex giữ nguY các nội dung khác đã trình bày ở cấp sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của Si Flex, không chấp nhận nội dung kháng cáo của Sam IL.

Sau quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Sxác nhận công trình bị chậm tiến độ kể từ ngày 4/7/2018 và đồng ý với cách tính phạt chậm tiến độ của Tòa án cấp sơ thẩm và xin rút kháng cáo về nội dung này. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận các nội dung kháng cáo còn lại của Svà không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của Si Flex.

Đại diện theo ủy quyền và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty cổ phần cơ khí xây lắp thương mại M không có yêu cầu, quan điểm nào khác, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguY quyết định của bản án liên quan đến Công ty M và giải quyết các nội dung kháng cáo của Svà Si Flex theo quy định của pháp luật.

*** Đại diện Viểm sát tỉnh B phát biểu quan điểm:**

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân tỉnh B và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm c khoản 1 Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của Công ty TNHH xây dựng S về số tiền phạt chậm tiến độ.

+ Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2022/KDTM – ST ngày 05/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh B.

Áp dụng Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 148, Điều 227, Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 141, 143, 144, 146 Luật xây dựng năm 2014; Điều 7, Điều 15, Điều 36, Điều 37, Điều 38 của Nghị định 37/2016/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng; các Điều 2, 3, 4, 5 Thông tư 07/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ xây dựng hướng dẫn điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng; Điều 26 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguY đơn là Công ty TNHH xây dựng Sam IL. Buộc Công ty TNHH S1 có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH xây dựng S số tiền **22.250.000.000 đồng**

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn là Công ty TNHH S1. Buộc Công ty TNHH xây dựng S có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH S1 số tiền 16.878.524.960 đồng.

Khấu trừ 02 khoản tiền mà các bên PH trả cho nhau. Cần buộc Công ty TNHH S1 PH thanh toán trả Công ty TNHH xây dựng S số tiền 5.371.475.040 đồng.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: các đương sự PH chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật; PH chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: các đương sự không PH chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả người kháng cáo số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Kiến nghị khắc phục vi phạm: không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa mở lần thứ hai. Tòa án xét xử vắng mặt họ là đảm bảo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án và nội dung kháng cáo:

[2.1] Xét nội dung kháng cáo của Công ty S và kháng cáo của Công ty Si Flex liên quan đến chi phí phát sinh, tiền phạt và lãi chậm trả chi phí phát sinh, Hội đồng xét xử thấy:

Công ty Syêu cầu Công ty S1 thanh toán tổng chi phí phát sinh là 20.277.600.442 đồng, trong đó khối lượng công việc hai bên đã thống nhất là 3.850.000.000 đồng và khối lượng công việc hai bên không thống nhất được là 16.427.600.442 đồng (chi phí san lấp và giảm trừ hồ pít, sơn chống cháy kết cấu thép). Công ty S xác định chủ đầu tư là Công ty Si Flex không có yêu cầu thay đổi hợp đồng bằng văn bản, không có bản yêu cầu công việc thể hiện các hạng mục phát sinh, nH thầu không có bảng dự toán khối lượng cho những thay đổi trong công việc nhưng các hạng mục phát sinh theo mệnh lệnh của chủ đầu tư tại công trường là có thật, được thể hiện ở biên bản nghiệm thu, có xác nhận của giám sát thi công. Để đảm bảo tiến độ thi công và tin tưởng phía Si Flex mà phía S đã chủ động thi công mà bỏ qua các khâu trên.

Phía Công ty Si Flex không chấp nhận yêu cầu và quan điểm của phía Sam IL, cho rằng hợp đồng thi công hai bên là hợp đồng trọn gói, có hạng mục giảm trừ, có hạng mục phát sinh. Hai bên không có sự thống nhất về điều chỉnh về giá nên không đồng ý thanh toán thêm cho Sam IL.

* Về nội dung kháng cáo của Công ty S đề nghị buộc Công ty Si Flex pH chịu thêm chi phí phát sinh 16.427.600.442 đồng và tiền phạt, lãi chậm trả của số tiền này:

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguY đơn và bị đơn đều xác định Hợp đồng thi công xây dựng số 19122017-SI/SAMIL ký kết ngày 19/12/2017 là hợp đồng xây dựng trọn gói.

Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 15 Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng: “ *Giá hợp đồng trọn gói là giá hợp đồng không thay đổi trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng đối với khối lượng các công việc thuộc phạm vi hợp đồng đã ký kết, trừ trường hợp bất khả kháng và thay đổi phạm vi công việc pH thực hiện.*”

Theo thỏa thuận trong hợp đồng, tại các điều 3.4, 7.1, 7.2 của Hợp đồng xây dựng nói trên và quy định tại các Điều 7, Điều 36, Điều 37, Điều 38 Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ; các Điều 2, 3, 4, 5 Thông tư 07/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ xây dựng hướng dẫn điều chỉnh giá hợp

đồng xây dựng thì việc điều chỉnh các hạng mục xây dựng, giá trị hợp đồng cần được sự thống nhất giữa các bên thể hiện qua bảng yêu cầu công việc được các bên lập và thống nhất, sau khi chủ đầu tư có yêu cầu thay đổi trong hợp đồng bằng văn bản thì bên thi công pH lập bảng dự toán đề 02 bên thống nhất về khối lượng cho những công việc thay đổi.

Phía Sxác nhận hai bên không thực hiện các thủ tục trên, thực hiện các công việc phát sinh theo yêu cầu và mệnh lệnh thi công tại công trường nhưng phía Si Flex không thừa nhận và không đồng ý nội dung này. Ngoài lời khai, Skhông cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác. Do đó, Công ty Si Flex không chấp nhận thanh toán các chi phí phát sinh theo yêu cầu của Slà có căn cứ, phù hợp với thỏa thuận của hai bên trong hợp đồng xây dựng đã ký kết và phù hợp với quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguY đơn về việc buộc bị đơn pH thanh toán khoản chi phí phát sinh 16.427.600.442 đồng là đúng pháp luật. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Công ty Svề nội dung này.

* Về nội dung kháng cáo của Công ty Si Flex, không đồng ý trả Công ty Schi phí phát sinh giá trị 3.850.000.000 đồng và tiền phạt, lãi chậm trả của số tiền này:

Trong quá trình chuẩn bị xét xử, Công ty Si Flex đồng ý thanh toán số tiền trên cho Công ty Svới điều kiện hai bên hòa giải được và Sđồng ý sửa chữa các hạng mục hư hỏng chưa được sửa chữa bảo Hnh cho Si Flex. Khi Skhông có thiện chí hòa giải thì Si Flex không đồng ý cho khoản phát sinh này, bởi đây là hợp đồng trọn gói.

Quan điểm của Công ty Si Flex là phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng và quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào ý kiến của Công ty Si Flex tại phiên hòa giải để buộc bị đơn pH thanh toán khoản tiền này là không đảm bảo. Do vậy, cần chấp nhận kháng cáo của Công ty Si Flex, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không buộc Công ty Si Flex pH thanh toán khoản chi phí phát sinh 3.850.000.000 đồng này cho phía Sam IL.

Do Công ty Si Flex không có nghĩa vụ thanh toán chi phí phát sinh nên không pH chịu tiền phạt chậm trả và lãi chậm trả như nhận định và quyết định của Bản án sơ thẩm.

[2.2] Xét nội dung kháng cáo của Công ty Scho rằng Skhông pH chịu phạt do lỗi chậm tiến độ công trình, Hội đồng xét xử thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của Sxác nhận việc phạt chậm tiến độ như nhận định và quyết định của bản án sơ thẩm là đúng. Đại diện theo ủy quyền của Sxin rút kháng cáo về nội dung này. Do đó, cần đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo này của phía Công ty Sttheo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.3] Xét nội dung kháng cáo của Công ty Si Fex yêu cầu Công ty SpH chịu phạt do chậm tiến độ mức cao nhất là 5% giá trị hợp đồng, tương đương 22.250.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy:

Theo thỏa thuận tại Điều 2 của Hợp đồng xây dựng đã ký kết thì ngày bắt đầu thi công là ngày 19/12/2017 và ngày hoàn thành nh máy S1 giai đoạn 2 là ngày 30/6/2018. Tuy nhiên, hai bên đều xác định việc xin cấp giấy phép xây dựng có sự chậm trễ 3 ngày so với ngày bắt đầu thi công nên thời điểm bắt đầu thi công thực tế là ngày 22/12/2017, thời điểm hoàn thành nh máy theo hợp đồng là ngày 03/7/2018. Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty Si Flex và Công ty Sđều có lời khai xác định Công ty Sđã chậm tiến độ kể từ ngày 4/7/2018.

Theo quy định tại Điều 6 của Hợp đồng xây dựng ngày 19/12/2017: “*Nếu thực hiện hợp đồng bị chậm do lỗi của bên B thì bên B sẽ pH bồi thường cho bên A số tiền bằng 0,1%/ngày. Giá trị phần công việc chưa hoàn thành cho mỗi ngày chậm. Tổng mức phạt không quá 5% giá trị của hợp đồng.*”

Về khối lượng công việc chưa hoàn thành: Công ty Svà Công ty SI Flex đều thừa nhận đến ngày 4/7/2018, khối lượng công việc mà Schưa hoàn thành là 139.398.560.458 đồng.

Về tổng thời gian chậm tiến độ: Hai bên không thống nhất được mốc thời gian mà Công ty Shoàn thành xong 100% công việc. Công ty Si Flex cho rằng tổng thời gian chậm hoàn thành nh máy Si Flex do lỗi của Slà 245 ngày, kể từ ngày 04 tháng 7 năm 2018 cho đến ngày 6 tháng 3 năm 2019 (ngày được cấp giấy phép hoạt động). Phía Công ty Scho rằng ngày hoàn thành 100% công việc là ngày 27/10/2018 – ngày Si Flex nghiệm thu lần 9 và chấp thuận thanh toán 95% giá trị hợp đồng, chỉ giữ lại 5% hợp đồng để đảm bảo công trình. Căn cứ nội dung các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng thì thấy: Quan điểm của Slà phù hợp vì sau ngày nghiệm thu lần 9 (ngày 27/10/2018), các bên không tiến Hnh nghiệm thu thêm hạng mục nào khác. 5% giá trị hợp đồng chưa thanh toán trong biên bản nghiệm thu lần 9 không pH là khối lượng công việc chưa thực hiện mà là 5% để bảo Hnh công trình theo thỏa thuận của hai bên. Do vậy, cần xác định ngày Công ty Shoàn thành 100% khối lượng công việc là ngày **27/10/2018**. Tổng thời gian Công ty Schậm tiến độ là 116 ngày.

Công ty Sđược xác định chậm tiến độ theo thỏa thuận trong hợp đồng là 116 ngày, khối lượng công việc chậm tiến độ tại thời điểm hết thời hạn hợp đồng là 139.398.560.458 đồng. Theo thỏa thuận tại Điều 6 của Hợp đồng đã ký kết thì số tiền phạt chậm tiến độ mà SpH chịu là:

$139.398.560.458 \text{ đồng} \times 0,1\% \times 116 \text{ ngày} = 16.170.232.960 \text{ đồng}.$

Bản án sơ thẩm xác định SpH chịu phạt chậm tiến độ với số tiền **10.133.445.000 đồng** là không chính xác. Do đó, cần chấp nhận một phần kháng

cáo của Si Flex về nội dung này, buộc SpH trả SI Flex tiền phạt do chậm tiền độ là 16.170.232.960 đồng.

[2.4] Xét kháng cáo của Công ty Si Flex cho rằng Công ty Si Flex không pH chịu tiền phạt và lãi chậm trả đối với số tiền 5% hợp đồng (22.250.000.000 đồng) vì Công ty Skhông thực hiện phát Hnh thư bảo lãnh và thực hiện nghĩa vụ bảo Hnh.

Công ty Si Flex xác nhận chưa thanh toán cho Công ty S5% giá trị hợp đồng, tương đương số tiền 22.250.000.000 đồng, chấp nhận thanh toán cho Công ty S số tiền này.

Về thời hạn thanh toán số tiền 5% hợp đồng:

Các bên đã thỏa thuận tại Điều 3.3 của Hợp đồng: *“Thanh toán lần cuối: 5% của giá trị hợp đồng sẽ được bên A thanh toán cho bên B sau khi bên A kiểm tra, chấp thuận bàn giao đưa nH máy vào sử dụng và sau khi bên A nhận được bảo lãnh, bảo Hnh từ bên B.*

Bảo lãnh bảo Hnh có giá trị 5% của hợp đồng và có giá trị trong vòng 2 năm kể từ ngày nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào sử dụng. Sau khi nhận được bảo lãnh bảo Hnh và biên bản nghiệm thu bàn giao công trình từ bên B, bên A sẽ thanh toán số tiền còn lại cho bên B trong vòng 10 ngày.”

Công ty Si Flex chưa thanh toán cho Công ty S với lý do Chưa phát Hnh chứng thư bảo lãnh và không thực hiện bảo Hnh. Công ty S cho rằng lỗi không phát Hnh chứng thư bảo lãnh do Si Flex không quyết toán các hạng mục phát sinh.

Theo phân tích trên, việc Công ty Syêu cầu Si Flex quyết toán các hạng mục phát sinh là không có căn cứ. Do vậy, việc không phát Hnh chứng thư bảo lãnh là do lỗi của Sam IL, không có lỗi của Si Flex. Si Flex chưa thanh toán cho S số tiền 5% hợp đồng là có căn cứ.

Mặt khác, tại điểm c khoản 2 Điều 46 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 có quy định *“ Bên nhận thầu chỉ được hoàn trả bảo đảm bảo Hnh công trình sau khi kết thúc thời hạn bảo Hnh và được chủ đầu tư xác nhận đã hoàn công.”* Tuy nhiên, Công ty S không xuất trình được tài liệu xác nhận của Công ty Si Flex về việc đã hoàn công nên không có căn cứ xác định Công ty Si Flex vi phạm thời hạn thanh toán số tiền này.

Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào thời điểm kết thúc thời hạn bảo Hnh mà không xem xét, đánh giá toàn diện các tài liệu chứng cứ khác, xác định Công ty Si Flex vi phạm nghĩa vụ hoàn trả Công ty S số tiền 22.250.000.000 đồng kể từ ngày hết thời hạn bảo Hnh (6/3/2021) đến ngày xét xử sơ thẩm là không đúng.

Từ những đánh giá trên, cần chấp nhận kháng cáo của Công ty Si Flex, không buộc Công ty Si Flex chịu tiền phạt và lãi chậm trả của số tiền 22.250.000.000 đồng.

[2.5] Xét kháng cáo của Công ty Si Flex đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu bồi thường thiệt hại – chi phí sửa chữa liên quan đến rò rỉ hố pít, nứt trần khu văn phòng, dột mái panel nH xưởng, Hội đồng xét xử thấy:

Công ty Si Flex yêu cầu Công ty SpH hoàn trả chi phí phát sinh thêm cho tư vấn giám sát là 372.935.000đồng; Chi phí sửa chữa khắc phục lỗi hư hỏng của công trình (hố pít, trần nH xưởng, trần văn phòng là 335.357.000 VNĐ; chi phí thuê 5 người trông coi, xử lý, khắc phục lỗi từ tháng 11 năm 2019 đến nay là 1.149.000.000 đồng; Chi phí khắc phục lại hố pít theo báo giá của đơn vị thứ 3 là 3.426.300.000 đồng.

Hội đồng xét xử sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu của Công ty Si Flex, buộc Công ty SpH hoàn trả Công ty Si Flex chi phí phát sinh thêm cho tư vấn giám sát là 372.935.000đồng; Chi phí sửa chữa khắc phục lỗi hư hỏng của công trình (hố pít, trần nH xưởng, trần văn phòng là 335.357.000 VNĐ. Công ty Skhông có kháng cáo về nội dung này nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Về chi phí thuê 5 người trông coi, xử lý, khắc phục lỗi từ tháng 11 năm 2019 đến nay là 1.149.000.000 đồng, hội đồng xét xử thấy: Trong các hợp đồng lao động mà Công ty Si Flex cung cấp, không có nội dung làm việc liên quan đến việc khắc phục, xử lý hố pít. Do vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của Công ty Si Flex là phù hợp.

Về chi phí khắc phục lại hố pít theo báo giá của đơn vị thứ 3 là 3.426.300.000 đồng. Ngoài tài liệu về báo giá, Công ty Si Flex không cung cấp được tài liệu chứng minh có sự cố, hỏng hóc phát sinh trong thời gian bảo Hnh, đã chi trả cho việc sửa chữa trên, Hội đồng xét xử sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của Si Flex là phù hợp.

* Từ những đánh giá phân tích nêu trên, cần không chấp nhận kháng cáo của Công ty Sam Il, chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty Si Flex, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B: áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2022/KDTM – ST ngày 05/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện V theo hướng:

- Buộc Công ty Si Flex pH thanh toán cho Công ty Ssố tiền 22.250.000.000 đồng

- Buộc SpH thanh toán cho Công ty Si Flex số tiền phạt do chậm tiến độ là 16.170.232.960 đồng + chi phí phát sinh thêm cho tư vấn giám sát là 372.935.000 đồng + Chi phí sửa chữa khắc phục lỗi hư hỏng của công trình (hố pít, trần nH xưởng, trần văn phòng là 335.357.000 đồng. Tổng số tiền SpH thanh toán cho Công ty Si Flex là 16.878.524.960 đồng

Khấu trừ nghĩa vụ, Công ty TNHH S1 pH thanh toán cho Công ty TNHH xây dựng S số tiền là 5.371.475.040 đồng.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Tổng số tiền Công ty Syêu cầu Công ty Si Flex pH trả là: 80.240.626.746 đồng. Công ty S được chấp nhận yêu cầu đối với số tiền 22.250.000.000 đồng và không được chấp nhận yêu cầu đối với số tiền 57.990.626.746 đồng.

Tổng số tiền Công ty Si Flex yêu cầu Công ty SpH trả là: 27.533.592.000 đồng. Công ty Si Flex được chấp nhận yêu cầu đối với số tiền là 16.878.524.960 đồng, không được chấp nhận yêu cầu đối với số tiền là 10.655.067.040 đồng.

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và danh mục kèm theo Nghị quyết:

Công ty SpH chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận là 57.990.626.746 đồng và pH chịu án phí đối với số tiền pH trả cho Công ty Si Flex là 16.878.524.960 đồng. Số án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm mà Công ty SpH chịu là:

$112.000.000 \text{ đồng} + 0,1\% (74.869.151.706 \text{ đồng} - 4.000.000.000 \text{ đồng}) = 182.869.151 \text{ đồng}.$

Công ty Si Flex pH chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với số tiền pH trả Công ty S là 22.250.000.000 đồng và đối với phần yêu cầu không được chấp nhận là 10.655.067.040 đồng. Số án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm mà Công ty SSE 05 pH chịu là:

$112.000.000 \text{ đồng} + 0,1\% (32.905.067.040 \text{ đồng} - 4.000.000.000 \text{ đồng}) = 140.905.067 \text{ đồng}.$

* Về án phí đối với yêu cầu độc lập của Công ty cổ phần cơ khí xây lắp thương mại M:

Tòa án cấp sơ thẩm công nhận sự thỏa thuận của S và M về việc: S có trách nhiệm thanh toán trả cho M số tiền là 9.281.430.000 đồng; trong đó tiền còn nợ là 7.281.430.000 đồng và tiền phạt vi phạm là 2.000.000.000 đồng. S và M mỗi bên chỉ pH chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 29.320.357 đồng; không có kháng cáo, kháng nghị về nội dung này.

Do đó, tổng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm mà SpH chịu là: 212.189.508 đồng; tổng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm mà Si Flex pH chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 140.905.067 đồng.

[4] Đối với các nội dung khác không có kháng cáo, kháng nghị và không liên quan đến kháng cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Căn cứ Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và danh mục kèm theo Nghị quyết: Do sửa bản án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm; cần hoàn trả nguY đơn và bị đơn số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp nhưng tạm giữ để đảm bảo thi Hành án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử một phần kháng cáo của Công ty TNHH xây dựng S về số tiền phạt do chậm tiến độ.

2. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguY đơn, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn. Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2022/KDTM-ST ngày 05-9-20221 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh B.

Áp dụng Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 148, Điều 227, Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 141, 143, 144, 146 Luật xây dựng năm 2014; Điều 7, Điều 15, Điều 36, Điều 37, Điều 38 của Nghị định 37/2016/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng; các Điều 2, 3, 4, 5 Thông tư 07/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ xây dựng hướng dẫn điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng; Điều 26 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguY đơn là Công ty TNHH xây dựng Sam Il. Buộc Công ty TNHH S1 có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH xây dựng S số tiền **22.250.000.000 đồng**

2.2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn là Công ty TNHH S1. Buộc Công ty TNHH xây dựng S có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH S1 số tiền **16.878.524.960 đồng**.

2.3. Đối trừ nghĩa vụ, buộc Công ty TNHH S1 phải thanh toán trả Công ty TNHH xây dựng S số tiền **5.371.475.040 đồng**.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi Hành án có quyền chủ động ra quyết định thi Hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi Hành án của người được thi Hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người

được thi Hình án) cho đến khi thi Hình án xong, bên pH thi Hình án còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi Hình án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH xây dựng SpH chịu 212.189.508 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 85.500.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2012/0001499 ngày 04/01/2021 của Chi cục Thi Hình án dân sự huyện V, tỉnh B. Công ty TNHH xây dựng SpH nộp 127.189.508 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Công ty TNHH S1 pH chịu 140.905.067 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 65.250.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006019 ngày 14/10/2021 của Chi cục Thi Hình án dân sự huyện V, tỉnh B. Công ty TNHH S1 pH nộp 75.655.067 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

2.5. Về chi phí tố tụng: Công ty TNHH xây dựng SpH chịu 55.000.000 đồng chi phí thẩm định giá. Xác nhận Sđã nộp đủ số tiền này.

2.6. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: NguY đơn và bị đơn không pH chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Hoàn trả Công ty TNHH xây dựng S số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 2.000.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0006514 ngày 19/9/2022 tại Chi cục Thi Hình án dân sự huyện V, tỉnh B nhưng tạm giữ để đảm bảo thi Hình án.

Hoàn trả Công ty TNHH S1 số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 2.000.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0006515 ngày 19/9/2022 tại Chi cục Thi Hình án dân sự huyện V, tỉnh B nhưng tạm giữ để đảm bảo thi Hình án.

2.7. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi Hình theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hình án dân sự thì người được thi Hình án dân sự, người pH thi Hình án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hình án, quyền yêu cầu thi Hình án, tự nguyện thi Hình án hoặc bị cưỡng chế thi Hình án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi Hình án dân sự; thời hiệu thi Hình án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hình án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuY án.

Nơi nhận:

- TAND huyện V;
- VKSND tỉnh B;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cổng thông tin điện tử của TANDTC.
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Hương Giang

Nơi nhận:

- TAND huyện Lục Nam;
- VKSND tỉnh B;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử của TANDTC.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương Giang

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Quyết Nguyễn Xuân Thọ

Nguyễn Thị Hương Giang

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B;
- Toà án nhân dân tHnh phố B;
- Chi cục THADS tHnh phố B;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phạm Thị Minh Hiền

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Quyết Nguyễn Xuân Thọ

Phạm Thị Minh Hiền